

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:31/2019/DS-ST

Ngày: 09-10-2019.

V/v: Tranh chấp:"chia thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Chính

Bà Bá Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa: Lưu Thị Kim Thuyền, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 9 năm 2019 và ngày 9 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2018, về việc: “Yêu cầu chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST, ngày: 22/8/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2019, ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Tạ Thanh L, sinh năm: 1946.

Địa chỉ: Thôn P2, xã P, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận .

- **Bị đơn:** Ông Tạ Xuân M, sinh năm: 1948

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Bà Tạ Đặng Bích P, sinh năm: 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn P2, xã P, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn:**

Bà Tạ Thị L, sinh năm: 1936;

Địa chỉ: Khu phố x, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Huỳnh Văn T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Khu phố B, phường X, thị xã Sông Cầu, Phú Yên.

Bà Tạ Thị B, sinh năm 1940; Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1971 Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1979; Huỳnh Văn S, sinh năm: 1972; Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1981 .

Cùng địa chỉ: Thôn P1, xã P, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận. (tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Tạ Thanh L trình bày: Cha Tôi Tạ H, chết năm 1984; mẹ tôi Hồ Thị S, chết năm 2006; cha mẹ tôi chung sống có 6 người con là Tạ Thị Cự, sinh năm nào tôi không nhớ (chết 1976); Tạ Thị L, sinh năm; 1936; Tạ Thị Sáu, sinh năm; 1932 (chết năm: 2013, có con tên Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1971; Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1979, Huỳnh Văn T, sinh năm: 1976; Huỳnh Văn S, sinh năm: 1972; Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1981); Tạ Thị B, sinh năm 1940; Tạ Xuân M, sinh năm: 1948 và tôi Tạ Thanh L.

Khi cha, mẹ chết có để lại 2 thửa đất gồm thửa 406 có diện tích 404m² và thửa 410 có diện tích 343m² tọa lạc tại Phước An 1, P trên thửa đất 406 có 01 căn nhà tình nghĩa của bà Tạ Thị Sáu hiện đang tồn tại trên đất do anh em chúng tôi trước đây tự nguyện cho bà Sáu xây dựng.

Theo tôi biết khi cha tôi đã chết, thời điểm năm 2002 lúc mẹ tôi còn sống và mẹ tôi đang sống chung với tôi, vào thời điểm đó ông Tạ Xuân M làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) thửa 410, nhưng không thông qua ý kiến của tôi.

Hiện nay đất ông M trọn quyền quản lý, chúng tôi yêu cầu ông chia cho 01 đứa cháu tên Huỳnh Thị Kim H 01 lô đất nhỏ để xây cất nhà ở từ tiền Quỹ tình nghĩa của xã hội tài trợ, nhưng ông M không chịu chia và đòi trọn quyền sở hữu; vì vậy chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về phần nhà của bà Tạ Thị Sáu nằm trên một phần thửa đất 406 anh em, chúng tôi tự nguyện cho bà Sáu, bà Sáu đã xây nhà kiên cố nay chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nhà, đất gắn liền nhà này; chúng tôi chỉ yêu cầu chia diện tích đất còn lại của thửa 406; yêu cầu chia diện tích thửa đất 410 và toàn bộ diện tích đất này chia đều cho tất cả các thành viên trong gia đình; nhưng phần của tất cả các anh em chúng tôi gồm: L, L, B được nhận thì anh, em chúng tôi đồng ý cho đứa cháu tên Huỳnh Thị Kim H được quyền sử dụng.

- Bị đơn ông Tạ Xuân M trình bày:

Cha Tôi Tạ H, chết năm 1984, mẹ tôi Hồ Thị S, chết năm 2006; cha mẹ tôi chung sống có 6 người con cụ thể Tạ Thị Cự, chết 1976; Tạ Thị L, sinh năm; 1936; Tạ Thị Sáu, sinh năm; 1932 (chết năm: 2013 có 5 đứa con như ông L khai); Tạ Thị B, sinh năm 1940; Tạ Thanh L và tôi (M).

Khi cha, mẹ chết có để lại 1 thửa đất thuộc thửa 410, diện tích 343m², tờ bản đồ 31ab theo bản đồ địa chính xã Phước Sơn và hiện nay thuộc tờ bản đồ 24ab xã P và thửa đất này đã cho tôi, hiện nay tôi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên tôi (M).

Trước đây lúc cha tôi còn sống có cho đất cho các anh, em trong gia đình, ông L đã được chia 01 lô đất và hiện nay ông đã bán.

Nay ông L yêu cầu tôi chia tài sản trên tôi không đồng ý chia.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: theo lời trình bày của ông Tạ Thanh L là đúng sự thật, chúng tôi đồng với ý kiến và yêu cầu của ông L; về phần thừa kế của chúng tôi được hưởng, chúng tôi đồng ý cho bà H trọn quyền sở hữu để có đất xây nhà và chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chúng tôi, vì chúng tôi ở xa không có điều kiện đi lại.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 Hội đồng định giá như sau:

Thửa đất mới số 904(chính lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; diện tích 239m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 239m² = 28.680.000đ.

Thửa đất mới số 903(chính lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; diện tích 80m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 80m² = 9.600.000đ.

Thửa đất số 410, tờ bản đồ số 21ab; diện tích 343m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 343m² = 41.160.000đ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q744842, ngày 20/01/2002 cấp cho ông Tạ Xuân M).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu di sản thừa kế của ông Tạ H, bà Hồ Thị S để lại cho Tạ Thị L, Tạ Thị B, Tạ Thanh L, Tạ Xuân M và các con của bà Tạ Thị Sáu là Huỳnh Thị Kim A; Huỳnh Thị Kim H; Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn Đ; Huỳnh Văn S theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử xét thấy: đây là vụ kiện tranh chấp "yêu cầu chia thừa kế".

Về Điều luật áp dụng: Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Tạ Thị L, Tạ Thị B và các con của Tạ Thị Sáu là Huỳnh Thị Kim A; Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn Đ; Huỳnh Văn S yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử theo luật định.

Xét ông L và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: yêu cầu Tòa án chia diện tích 1 phần thửa 406, tờ bản đồ số 24ab, xã P và thửa 410, tờ bản đồ số 31ab theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 744842, ngày 20/01/2002 đứng tên Tạ Xuân M.

Theo biên bản định giá như sau:

Thửa đất mới số 904 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; diện tích 239m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 239m² = 28.680.000đ.

Thửa đất mới số 903 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; diện tích 80m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 80m² = 9.600.000đ

Thửa đất số 410, tờ bản đồ số 31ab; diện tích 343m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 343m² = 41.160.000đ.

Xét trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận: Ông Tạ H, chết năm 1984, bà Hồ Thị S, chết năm 2006; ông Tạ H, bà Hồ Thị S chung sống có 6 người con cụ thể gồm: Tạ Thị Cừ, chết 1976; Tạ Thị L, Tạ Thị Sáu (chết năm: 2013 có con tên Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn Đ; Huỳnh Văn S; Tạ Thị B; Tạ Xuân M và Tạ Thanh L.

Khi ông H, bà S chết có để lại 2 thửa đất gồm thửa 406 có diện tích 404m² nay thuộc thửa mới 903, 904 (chỉnh lý từ thửa 406) tờ bản đồ số 24ab, xã P và thửa 410, có diện tích 343m² tọa lạc tại Phước An 1, P trên thửa đất 406 có 01căn nhà tình nghĩa của bà Tạ Thị Sáu hiện đang tồn tại trên đất do anh, em trước đây tự nguyện cho bà Sáu xây dựng nên không yêu cầu giải quyết căn nhà tình nghĩa này; thời điểm năm 2002 lúc bà S còn sống đang sống chung với ông L; ông Tạ Xuân M tự làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) thửa 410, nhưng không thông qua ý kiến của ông L nên nay các ông, bà yêu cầu chia.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Yêu cầu Tòa án chia đều diện tích thửa mới 903, 904 (chỉnh lý từ thửa 406) tờ bản đồ số 24ab, xã P và thửa 410, tờ bản đồ số 31ab theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 744842, ngày 20/01/2002 đứng tên Tạ Xuân M cho các người được nhận di sản thừa kế gồm: bà Tạ Thị L, Tạ Thị B, Tạ Xuân M, Tạ Thanh L và các ông, bà gồm: Huỳnh Thị Kim A; Huỳnh Thị Kim H; Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn Đ; Huỳnh Văn S; là những người thừa kế thế vị của bà Tạ Thị Sáu).

Xét trình bày bị đơn (M): Cha ông là Tạ H, chết năm 1984, mẹ ông bà Hồ Thị S, chết năm 2006; cha mẹ ông có 6 người con như ông L khai: Trước đây cha, mẹ ông còn sống đã chia đất cho các anh, chị, em trong gia đình có sự đồng ý của các anh, chị trong gia đình trong đó có phần ông L, phần ông M, nhưng phần ông L đã bán và khi cha, mẹ chết anh, chị, em cùng tự nguyện đồng

ý cho bà Tạ Thị Sáu xây dựng 1 căn nhà kiên cố trên thửa đất 406 các anh, chị em ông không có tranh chấp và khiếu nại gì về đất đã cho trước đây.

Xét yêu cầu của bị đơn Tạ Xuân M: Ông M yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất thuộc thửa 410, diện tích 343m², tờ bản đồ 31ab theo bản đồ địa chính xã Phước Sơn hiện nay thuộc tờ bản đồ 24ab xã P do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy di sản chia thừa kế hiện nay là tài sản của ông H, bà S, năm 2002 thời điểm bà S còn sống thửa đất 410 đã cho ông M; ông M đã đăng ký quyền sử dụng hợp pháp thửa đất nói trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 744842, cấp ngày 20/01/2002 đứng tên Tạ Xuân M bà S không khiếu nại thắc mắc gì.

Nay ông L và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thửa đất số 410, tờ bản đồ số 31ab, diện tích 343m² do UBND huyện Ninh Phước cấp cho ông Tạ Xuân M là không có căn cứ. Vì đất này là của ông H, bà S đã cho ông M và ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp; các ông bà không có quyền khởi kiện đòi lại.

Xét căn nhà tình nghĩa của bà Tạ Thị Sáu xây dựng kiên cố trên 01 phần thửa đất 406 trước đây các anh, chị em tự nguyện cho bà Sáu và hiện nay không có tranh chấp nên Hội đồng không xét đến.

Xét di sản thừa kế hợp pháp của ông H, bà S hiện nay là thửa đất mới số 904 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; diện tích 239m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 239m² = 28.680.000đ.

Thửa đất mới số 903 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; diện tích 80m² đất; vị trí 1, giá 120.000đ/m²; cách tính: 120.000đ/m² x 80m² = 9.600.000đ.

Xét thửa 904 có diện tích 239m²; thửa 903 có diện tích 80m²; Tổng cộng 2 thửa có diện tích 319m² nếu chia đều cho 5 người được nhận di sản thừa kế là ông M; ông L, bà L; bà B; bà Sáu (người nhận thừa kế thế vị bà Sáu là bà A; bà H, ông T; ông Đ; ông S) thì mỗi người được nhận là 63,5m² đất (cách tính: 319m² : 5 người).

Nhưng xét về công quản lý, trông giữ, duy trì bảo quản tài sản tránh thất thoát và được tồn tại cho đến hôm nay là do công đóng góp của ông M nhiều hơn nên Hội đồng xét xử, xử chia cho ông Tạ Xuân M được quyền sử dụng thửa đất 903 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; có diện tích 80m² theo trích đo số 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước.

Chia cho các ông, bà gồm ông L, bà L; bà B; bà Sáu (người nhận thừa kế thế vị bà Sáu là bà A; bà H, ông T; ông Đ; ông S) được quyền sử dụng thửa đất 904 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; có diện tích 239m² theo trích đo số 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước.

Tính chia cụ thể thì mỗi người được nhận di sản thừa kế là $59,75\text{m}^2$ đất (cách tính: $239\text{m}^2 : 4$ người).

Nhưng các ông, bà gồm: ông L, bà L; bà B và các người cùng được thừa kế thế vị của bà Sáu là bà A, ông T, ông Đ, ông S đồng ý giao toàn bộ diện tích đất trên cho bà Huỳnh Thị Kim H được quyền sử dụng.

Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện tặng cho của các đồng thừa kế giao cho bà Huỳnh Thị Kim H được quyền sử dụng thửa đất 904 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; có diện tích 239m^2 theo trích đo số 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước.

Từ những phân tích trên hội đồng xét xử sơ thẩm:

Không chấp nhận yêu cầu của ông L, bà L, bà B, bà A và bà H, ông T, ông Đ, ông S về yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 410, tờ bản đồ số 31ab, diện tích 343m^2 do UBND huyện Ninh Phước cấp cho ông Tạ Xuân M (đất trị giá 41.160.000 đ).

- Ông Tạ Xuân M được quyền sử dụng thửa đất số 410, tờ bản đồ số 31ab, diện tích 343m^2 do UBND huyện Ninh Phước cấp cho ông Tạ Xuân M ngày 20/01/2002 (do ông đang quản lý).

- Ông Tạ Xuân M được quyền sử dụng thửa đất 903 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; có diện tích 80m^2 theo trích đo số 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước (do ông đang quản lý).

- Buộc ông Tạ Xuân M chia cho bà Huỳnh Thị Kim H được quyền sử dụng thửa đất 904 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; có diện tích 239m^2 theo trích đo số 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước (do các ông L, bà L, bà B, bà A, ông T, ông Đ, ông S tự nguyện tặng cho).

Qua ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về chi phí định giá: Ông L đã nộp tạm ứng 2.400.000 đồng chi phí định giá và 1.120.000 đồng tiền chi phí cấp trích lục đã chi phí hết; Hội đồng xét xử xét thấy nên chia cho những người được nhận di sản theo kỷ phần cùng chịu khoản chi phí này. Cụ thể: Ông L, bà L, bà B, ông M mỗi người phải chịu 704.000 đồng; còn bà Anh, bà H, ông T, ông Đ, ông S là người nhận thừa kế thế vị của bà Sáu cùng liên đới chịu 704.000 đồng để hoàn trả cho ông L.

Nhưng phần di sản của ông L, bà B, bà L cho bà H được hưởng nên bà H phải chịu 2.816.000 đồng; ông M phải chịu 704.000 đồng để hoàn trả cho ông L là phù hợp.

Về án phí không chấp nhận yêu cầu: Buộc Ông L, bà L, bà B (bà Anh, bà H, ông T, ông Đ, ông S là người nhận thừa kế thế vị của bà Sáu) phải chịu 514.500 đồng án phí phần không chấp nhận yêu cầu đòi chia diện tích 343m^2 đã cấp cho ông Tạ Xuân M (trị giá 41.160.000 đ). Nhưng ông L, bà L, bà B là người cao

tuổi nên được miễn án phí; riêng bà Anh, bà H, ông T, ông Đ, ông S phải liên đới chịu 514.500 đồng án phí phần không chấp nhận yêu cầu.

Về án phí tài sản được nhận từ di sản thừa kế: Buộc ông L, bà L, bà B (bà Anh, bà H, ông T, ông Đ, ông S là người nhận thừa kế thế vị của bà Sáu) phải chịu 358.500 đồng án phí (giá trị 59,57m²; trị giá 7.170.000đ x 5%). Nhưng ông L, bà L, bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí; riêng bà Anh; bà H; ông T; ông Đ; ông S phải liên đới chịu 358.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông M phải chịu 480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá trị 80m², trị giá 9.600.000đ x 5%). Nhưng ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 656, Điều 657, Điều 660, điểm c Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Thanh L về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông L, bà L, bà B, bà A và bà H về yêu cầu chia thừa đất số 410, tờ bản đồ số 31ab, diện tích 343m² do UBND huyện Ninh Phước cấp cho ông Tạ Xuân M.

Giao ông Tạ Xuân M được quyền sử dụng thửa đất 903 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; có diện tích 80m² theo trích đo số 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước.

Giao bà Huỳnh Thị Kim H được quyền sử dụng thửa đất 904 (chỉnh lý từ một phần thửa đất số 406) tờ bản đồ số 24ab; có diện tích 239m² theo trích đo số 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí định giá: Bà H phải chịu 2.816.000 đồng; ông M phải chịu 704.000 đồng để hoàn trả lại cho ông L.

Về án phí không chấp nhận yêu cầu: Ông L, bà L, bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí. Buộc bà A và bà H phải chịu án phí 514.500 đồng.

Về án phí tài sản được nhận từ di sản thừa kế: Ông L, bà L, bà B. ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí. Buộc bà A; bà H, ông T; ông Đ; ông S phải liên đới chịu 358.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“....Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo trích lục đo đạc chỉnh lý số: 1506, ngày 25/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh huyện Ninh Phước).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho những người có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- THADS huyện Ninh Phước (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sử